

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 04 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ : Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1974.

Địa chỉ : Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn S kết hôn với nhau vào ngày 17/4/2014, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu theo

chị H là do anh S thường xuyên chơi bời, rượu chè, về đánh đập chị. Bên cạnh đó anh S còn có nhiều mối quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần trao đổi với anh S, song anh S không thay đổi. Năm 2016, 2017 chị H đều phải làm đơn xin ly hôn anh S, anh S vẫn níu kéo, mong muốn chị về đoàn tụ. Vì con chị cũng rút đơn về đoàn tụ những mong có cuộc sống gia đình ổn định. Song thực tế cuộc sống gia đình giữa chị và anh S không có hạnh phúc, anh S tìm kiếm những mối quan hệ với những người đàn bà khác. Đầu năm 2017 chị và anh S đã tự sống ly thân. Cho đến nay chị không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân cùng anh S được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm cho chị được ly hôn anh S.

Bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Anh kết hôn cùng chị Phạm Thị H vào ngày 17/04/2014, được đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh đi làm ăn, chị H hiểu sai về các mối quan hệ của anh, cho rằng anh có những mối quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác, anh đã giải thích với chị H nhiều lần song giữa anh và chị H vẫn không có tiếng nói chung thống nhất. Mặt khác trước khi kết hôn với anh chị H có nguồn kinh tế độc lập, bản thân anh hiện đang nuôi con của người vợ trước nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, không thể dung hòa được, tháng 01/2017 anh và chị H đã sống ly thân. Quan hệ tình cảm của vợ chồng bị cắt đứt từ đó. Nay chị H xin ly hôn, anh suy nghĩ có thể chị H có quan hệ không đúng mực với người đàn ông khác (hiện anh chưa có căn cứ để chứng minh), nên nay nếu chị H thừa nhận chị H đang có người thứ ba, thì anh nhất trí ly hôn cùng chị H.

- Về nuôi con chung: Chị H và anh S có một con chung cháu Trần Thị Bảo K, sinh ngày 04/09/2015. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản: Chị H và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương cung cấp: Chị H và anh S kết hôn với nhau vào ngày 17/04/2014, được đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống chị H và anh S có va chạm, nay chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn thì địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Anh S vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với

nguyên đơn và bị đơn cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Phạm Thị H được ly hôn Trần Văn S. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo K, sinh ngày 04/09/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Trần Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa anh S vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý và đưa ra giải quyết vắng mặt anh S là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Trần Văn S trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị H đề nghị xin ly hôn anh S, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ngày 13/6/2016 và ngày 09/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 19/2016/QĐST-HNGĐ và số 02/2017/QĐST-HNGĐ giữa nguyên đơn chị Phạm Thị H và anh Trần Văn S. Tại phiên tòa anh S không có mặt, quá trình hòa giải anh S đều có quan điểm “nếu chị H thừa nhận chị H đang có người thứ ba, thì anh nhất trí ly hôn cùng chị H”. Quan điểm nhất trí ly hôn của anh S không có cơ sở để giải quyết, mà phải căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị H và anh S. Năm 2014 anh S và chị H đăng ký kết hôn, song năm 2016, 2017 chị H đều phải làm đơn đề nghị TAND huyện Kinh Môn giải quyết việc ly hôn. Cho đến nay, chị H và anh S đều thừa nhận kể từ tháng 01/2017 anh S và chị H đã sống ly thân, quan hệ tình cảm của vợ chồng bị cắt đứt từ đó. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Những điều chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã ở vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn S là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh S có một con chung cháu Trần Thị Bảo K, sinh ngày 04/09/2015. Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng của hai bên, cũng quy định của pháp luật về việc giao “con dưới 36 tháng tuổi” nên cần giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị H tự nguyện không yêu cầu, nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về chia tài sản: Chị H và anh S không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo K, sinh ngày 04/09/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.
Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
4. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.
5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001227 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ.
6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Nguyễn Thị Hiền